TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐPT
Ngày: 15/8/2025.
V/v: "Ly hôn; tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Nguyễn Thế Doanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Miên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:* Bà Đỗ Thị Thu Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2025/HNGĐ-PT ngày 24/6/2025 về việc tranh chấp nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là TAND Khu vực 2 - Thái Nguyên) có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐ-PT ngày 31/7/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Diệu L , sinh năm 1983 (có mặt).

Trú tại: Tổ dân phố P, phường B , thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: TDP 5, phường B , thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Lương Tiến D, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B , thành phố P, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn tự nguyện với anh Lương Tiến D, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B , huyện P (nay là phường B , thành phố P), tỉnh Thái Nguyên vào năm 2008. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh D làm dâu, sống cùng gia đình được một thời gian, sau đó vợ chồng ra ở riêng tại kiot ở chợ

B để tiện cho việc kinh doanh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu cho đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh D không tâm đến gia đình, vợ con. Về kinh tế anh D cũng không có đóng góp, không có trách nhiệm gì. Còn lấy tiền kinh doanh của chị để làm những việc cá nhân khác. Nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi vã, to tiếng, anh D còn xúc phạm đến danh dự của bản thân chị và gia đình nhà ngoại, thậm chí xảy ra xô xát. Hai bên gia đình đều biết, cũng vun vén cho hai vợ chồng nhưng anh D không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, tháng 3/2018 anh D đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố 5, phường B , sinh sống cho đến nay. Thời điểm đó các con còn nhỏ, chị vì con nên chịu đựng, chị tự chăm sóc hai con và vẫn lo cả kinh tế cho anh D mặc dù anh chị đã hoàn toàn ly thân từ thời điểm đó nhưng đến nay các con đã lớn, giữa hai vợ chồng không có cách gì để khắc phục được tình trạng bất hòa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh D có 02 con chung là Lương Trần Hoàng Anh, sinh ngày 23/02/2010 và Lương Trân Trâm Anh, sinh ngày 17/01/2015. Từ khi anh D đuổi chị ra khỏi nhà thì không cho chị mang theo con nhưng chỉ được 3 đến 4 ngày sau thì anh D nhờ người đưa con ra cho chị. Chị là người trực tiếp nuôi con từ đó đến nay, anh D không chu cấp gì, thỉnh thoảng anh D có mua cho con vài thứ linh tinh nhưng không nói gì với chị, khiến chị mất kiểm soát trong việc chăm sóc con vì có những thứ không cần thiết, tiền học hành, sinh hoạt, học thêm thì tốn kém hơn nhiều thì anh D lại không có đóng góp. Quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành, anh D phải cấp dưỡng nuôi 02 con với chị với mức 2.000.000đ/1 con/tháng. Tại phiên toà chị thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lương Trần Trâm Anh theo quy định của pháp luật, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lương Trần Hoàng Anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về khoản cho vay chung: Không có.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, bị đơn anh Lương Tiến D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về việc đăng ký kết hôn và thời gian kết hôn như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi vã, to tiếng chủ yếu cũng vì liên quan đến kinh tế gia đình. Đến năm 2018 thì vợ chồng ly thân từ đó đến nay, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sống cùng 02 con. Nay chị L xin ly hôn thì anh không nhất trí mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc 02 con.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị L trình bày, nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con và yêu cầu chị L cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đ cho mỗi con. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh vẫn hỏi han, gọi điện, quan tâm đến con. Con muốn mua cái gì thì anh cũng chu cấp trong khả năng của mình.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D xác định trong quá trình chung sống anh chị có nhà, đất là tài sản chung, yêu cầu khi ly hôn phải phân chia rõ ràng về tài

sản chung và nợ chung. Tuy nhiên cho đến thời điểm Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì anh D vẫn không có đơn phản tố.

Về khoản cho vay chung: Không có.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Diệu L .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diệu L được ly hôn với anh Lương Tiến D.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Lương Trần Hoàng Anh, sinh ngày 23/02/2010 và Lương Trần Trâm Anh, sinh ngày 17/01/2015 cho chị Trần Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Kể từ thời điểm xét xử, hàng tháng, anh Lương Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.205.000đ (Hai triệu hai trăm linh năm nghìn đồng)/tháng đối với cháu Lương Trần Trâm Anh cho chị Trần Diệu L cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về khoản cho vay chung: Không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2025 bị đơn anh Lương Tiến D có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không cho chị L ly hôn với anh D.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diệu L và anh Lương Tiến D anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B , huyện Phổ Yên (nay là phường B , thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên vào năm 2008, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L và anh D chung sống hạnh phúc được vài năm đầu, sau đó vợ chồng ra ở riêng và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh D thường xuyên ham chơi, không chịu khó làm ăn, kinh tế gia đình chủ yếu do chị gánh vác; Anh D thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn một thời gian, nguyên nhân cãi vã chủ yếu là bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình. Chị L và anh D đều xác định vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2018 cho đến nay.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả thu thập chứng cứ cho thấy: Việc chị L và anh D có mâu thuẫn một thời gian dài và hiện không còn chung sống với nhau là thực tế. Chị L có yêu cầu ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án để cải thiện tình trạng hôn nhân, duy trì hạnh phúc gia đình. Chị L không còn tin tưởng vào anh D, chị xác định nếu vợ chồng đoàn tụ cũng không có hạnh phúc nên cương quyết ly hôn. Xét thấy, Hôn nhân của chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại 56 Luật Hôn nhân & gia đình là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh D có 02 con chung là Lương Trần Hoàng Anh, sinh ngày 23/02/2010 và Lương Trần Trâm Anh, sinh ngày 17/01/2015.

Quá trình giải quyết vụ án chị L , anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung; Các con chung đều thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ.

Xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung dưới sự hỗ trợ của gia đình nhà bố mẹ đẻ chị, không có sự hỗ trợ về kinh tế của anh D. Việc học tập, sinh hoạt của các con chung đều ổn định. Các con hiện nay đều đã có nhận thức, hiểu sự vất vả của mẹ khi một mình chăm sóc các con và thể hiện mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Chị L làm công việc buôn bán tự do nên không có hợp đồng lao động hoặc thang bảng lương để xuất trình cho Toà án chứng minh thu nhập và công việc của mình. Anh D có nguyện vọng trực tiếp nuôi con nhưng các con không có nguyện vọng sống cùng

anh, anh D cũng không thể hiện việc chung sức chăm lo cho các con cùng chị L trong thời gian vợ chồng ly thân. Hiện nay anh D đang một mình sống tại Kiốt chợ B , thời gian làm việc không cố định (khi làm ca ngày, khi làm ca đêm) nên không có điều kiện thuận lợi về mặt thời gian để quán xuyến việc chăm sóc con. Để đảm bảo ổn định môi trường sống và tránh sự xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt cho con, việc tách các con chung ra để sống riêng cùng bố và mẹ là không cần thiết, do vậy, cần tiếp tục giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với con chung thứ hai là Lương Trần Trâm Anh với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là chính đáng theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Toà án cấp sơ thẩm quyết định mức cấp dưỡng là 2.205.000đ/con/tháng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết; anh D yêu cầu khi ly hôn phải phân chia rõ ràng về tài sản chung, nợ chung. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã giải thích các quy định của pháp luật và yêu cầu anh D nếu có đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì làm đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung đồng thời cung cấp các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng cho đến phiên họp kiểm trao việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh D vẫn không có đơn, không cung cấp được các tài liệu chứng cứ. Vì vậy không có cơ sở xem xét yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung anh D, không đặt ra vấn đề giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này. Trường hợp anh D và chị L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5]. Về khoản cho vay chung: Quá trình chung sống chị L và anh D đều xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lương Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lương Tiến D; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là TAND Khu vực 2 – Thái Nguyên).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lương Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0000023 ngày 17/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự TP Phổ Yên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/HNGĐ-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là TAND Khu vực 2 – Thái Nguyên) không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND KV2 - Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV2 - Thái Nguyên
- P.THADS KV2 - Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân